

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TD3+TD1	7:25	13+0+6	0+0+0		7+1+14	0+0+0	chuyen 1 td3-td1
2		P6+BK8	7:25	20+2	0+0		16+6	0+0	
3		TTC2+CTK3+TD1	7:25	5+2+10	0+0+0		5+2+15	0+0+0	chuyen 1 ctk3-td1
4		P9+TD1	7:25	11+5	0+0		1+21	0+0	
5		T.UNG	8:00	16	0		17	0	
6		TTc1+BK6+BK10	9:25	5+0+12	0+0+0		5+0+16	0+0+0	chuyen 1 bk6-bk10
7		TGTH4+AMD+P9	9:25	4+15+0	0+0+0		4+7+11	0+0+0	chuyen 1 bk6-bk10
8		VSP01+BK5	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
9		P8+P6	9:25	9+12	0+0		8+14	0+0	chuyen 2 p8-p6
10		BK21+BK19+AMD	11:25	5+0+14	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
11		P8+VSP01	11:25	15+6	0+0		14+8	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 người bk8 về đi bk21 2/ 3 người đi P8 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	TO: P8 - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - Sơn - Vũ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÌNH QUANG TRUNG	P8	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BÁC	P8	24-25	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HÙNG	P8	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THỊ HẰNG	P8					60	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P8					60	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN NHÂN	P8	22	1	5		80	YTE	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHUÔNG	P8	26	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH CHANH PHÁT	P8	21	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUỐC HUY	P8	32	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HIỀN	P8	31	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG XUÂN THI	TD1	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	94-95	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VĂN NAM	TD1	300	1	12	80	70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	97-98	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	96	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VĂN LUẬN	TD1	99	1	7		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	12	67	918	20	7		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG TD1
2	TD3	0	0	0	0	7	1		
3	TD1	6	8	53	445	80	14		
TOTAL		19	20	120	1.363	107	22		
WEIGHT KG				120	1.363	107			

GRAND TOAL: 1.590 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 02	TO: P6 - BK8	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:25
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU THÈ ANH	P6				15	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ DUY KHIÊM	P6	89-90	2	15		73	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẬU	P6	19	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	90	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG TUẤN	P6	89	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI MẠNH KHÁNH CƯỜNG	P6	95	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM VĂN KHUÔNG	P6	92-93	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HUY THÔNG	P6	22	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO VĂN KHA KHA	P6	21	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
10	DU TRẦN HUNG	P6	96-97	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	87	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HUNG TUẤN	P6	20	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HUNG	P6	88	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO QUANG HUNG	P6	85-87	3	16		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	84-85	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	86	1	20		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN SANG	P6	91	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HOANG	P6	94	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	291	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC AN	P6	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUNG	BK8	46	1	8	43	70	CODIEN	Vietnamese
22	DOÀN VIỆT ĐÔNG	BK8	45	1	12		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	20	25	182	1.479	15	16		
2	BK8	2	2	20	145	43	6		
TOTAL		22	27	202	1.624	58	22		
WEIGHT KG				202	1.624	58			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TTC2 - CTK3 - TD1	CREW: TUYỀN - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2				45	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TA MANH HUNG	TTC2					63	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN THUC	TTC2	85	1	8		52	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	84	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	86	1	5		72	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TUAN	CTK3	20-21	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM DUC BINH	CTK3	19	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN KIEN	TD1	27	1	10	40	80	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DOI	TD1	31-32	2	16		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN DAT	TD1	28-29	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	23	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
12	DO QUANG LUC	TD1	26	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
13	DINH VAN DIEN	TD1	30	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM DANG NINH	TD1	24-25	2	15		56	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN VAN KHANH	TD1	33-34	2	14		77	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN TUAN ANH	TD1	37	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
17	HA THANH TUNG	TD1	35-36	2	11		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	3	21	328	45	5		CHUYEN 1PAX CTK3-TD1
2	CTK3	2	3	29	151	0	2+1		
3	TD1	10	15	116	736	40	15		
TOTAL		17	21	166	1.215	85	22		
WEIGHT KG				166	1.215	85			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	TO: P9 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - THỤ -	ETA: 09:20
vang-1		Tú	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN HOANG	P9	76-77	2	8	50	64	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM CAO CUÔNG	P9	52-53	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN SỸ	P9	56-57	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	HA VAN TRANG	P9	78-79	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HAI	P9	54-55	2	7		49	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	P9	81	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC QUANG	P9	80	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC QUY	P9	86-87	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN BANG	P9				19	65	XAYLAP	Vietnamese
10	VU XUAN CHINH	P9	58	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG VŨ	P9				22	43	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG HAI NAM	P9				22	63	NAM TIEN	Vietnamese
13	TRUONG HUU VUONG	P9	83	1	10		77	NAM TIEN	Vietnamese
14	VO THANH CHUNG	P9	88-89	2	8		60	NAM TIEN	Vietnamese
15	TRẦN HUYNH LAM	TD1	01-02	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
16	GIMRANOV M	TD1	100	1	7		85	VTB	Russian
17	TÔ CÔNG TANH	TD1	96	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	18	132	898	113	1		01 NB:TANG VAN TU (CGTK)
2	TD1	3	4	27	225	0	21		
TOTAL		17	22	159	1.123	113	22		
WEIGHT KG				159	1.123	113			

GRAND TOAL: 1.395 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 08:00
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: CÔNG - Trình	ETA: 11:10
trang - 1 A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG KIÊN	T.UNG				130	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHINH	T.UNG	92	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VU QUYÊN	T.UNG	73	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	300	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	76	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	72	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	97	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG					78	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	75	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	78	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	77	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	74	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	98	1	3		61	PSV	Vietnamese
15	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	96	1	3		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	99	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	13	73	1.077	130	17		
	TOTAL	16	13	73	1.077	130	17		
	WEIGHT KG			73	1.077	130			

GRAND TOAL: 1.280 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pc lấy đủ M rồi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: TTC1 - BK6 - BK10	CREW: Nam - Sơn - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VĂN MINH TÂN	TTC1	16	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THANH ĐỒ	TTC1	17-18	2	5	20	55	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	05,15	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	19-20	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRUNG SƠN	TTC1	04	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	VLASOV ALEKSANDR	BK10	37	1	5		88	KHOAN	Russian
7	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK10					72	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THẾ NĂNG	BK10	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TƯƠNG LONG	BK10	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG KIM DƯƠNG	BK10	31	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN LONG	BK10	29	1	3	40	70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỸ	BK10	32	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH VĂN TRỌNG	BK10	39-40	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG CUÔNG	BK10	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM NAM HAI	BK10	30	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CHIẾN THANG	BK10	35	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH BẢO	BK10	34	1	5		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	8	40	327	20	5		CHUYEN 1 PAX BK6-BK10
2	BK6	0	0	0	0	40	0	1	
3	BK10	12	12	66	866	40	16		
TOTAL		17	20	106	1.193	100	21		
WEIGHT KG				106	1.193	100			

GRAND TOAL: 1.399 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	TO: TGTH4 - AMD - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO -	ETA: 11:25
CAM-2		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	72	1	8		75	HLJOC	Vietnamese
2	LÊ VINH QUANG	TGTH4	70-71	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
3	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	74-75	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH SỰ	TGTH4	73	1	5		69	PSV	Vietnamese
5	PHAM VAN AN	AMD	19	1	8	60	70	HLJOC	Vietnamese
6	TRAN MINH KIEN	AMD	20	1	10		68	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN AN	AMD	18	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH KHA	AMD	27	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	22	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	24	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THỦ	AMD	26	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	21	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRẦN LIÊM	AMD	23	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	25	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	19	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGỌC DUƠNG	AMD	31-33	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	17	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	28	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	DO XUAN LOI	AMD	30	1	5	87	81	PV GAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	6	30	274	0	4		
2	AMD	15	17	107	1.051	147	7		
3	P9	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		19	23	137	1.325	147	22		
WEIGHT KG				137	1.325	147			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: VSP01 - BK5	CREW: VThắng - HTrung - THU - Tú	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV V.	VSP01	60	1	10		113	KH-THAC	Russian
2	VÕ QUANG HUY	VSP01	69-70	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	57-58	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	300	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	51-52	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	67	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	59	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	54	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	673	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN THOAI	VSP01	97	1	3		73	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	55-56	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	99	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	53	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	670-671	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN DUY BÌNH	VSP01	68	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH TUẤN	VSP01	71	1	18		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	98	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	72-73	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	672	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUÂN HÒA	BK5				35	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	25	174	1.609	0	21		Tăng Văn Tú (NB)
2	BK5	1	0	0	70	35	1		
TOTAL		22	25	174	1.679	35	22		
WEIGHT KG				174	1.679	35			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 11	TO: P8 - P6	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN DAU	P8	90,92	2	20	10	70	XAY LAP	Vietnamese
2	TRAN ANH TRI	P8	79-80	2	15	20	59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC TIEN	P8	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG TIEN	P8	81	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HO CHE LINH	P8	87	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HOA	P8	86	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH VINH	P8	84	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN LOI	P8	82	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN VU	P8	85	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG BACH	P6	27	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC THẮNG	P6	24	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊN	P6	26	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC HỒNG	P6	25	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	01	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO MINH HOÀNG	P6	29	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P6	30	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	HỒ MINH PHÚC	P6	33	1	8		80	PSV	Vietnamese
18	HỒ VĂN QUỲNH	P6	31	1	6		65	PSV	Vietnamese
19	ĐÀO XUÂN THANH	P6	28	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TIẾN	P6	32	1	6		55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P6	02	1	16		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	11	79	608	30	8+2		CHUYEN 2 PAX P8-P6
2	P6	12	12	105	840	0	14		
TOTAL		21	23	184	1.448	30	22		
WEIGHT KG				184	1.448	30			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	TO: BK21 - BK19 - AMD	CREW: TTrung - N.ANH - Thành	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BACH ANH TUÂN	BK21	58	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRỌNG PHÚC	BK21	56	1	11	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRUNG ĐỨC	BK21	57	1	7		78	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU NGHỊ	BK21	59	1	7		60	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRUNG	BK21	61	1	14		75	DIEU HAN	Vietnamese
6	DANG VAN HUU	AMD	44-45	2	10		65	PV GAS	Vietnamese
7	DƯƠNG PHÁT	AMD	52	1	11	20	77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	49	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG THAI	AMD	47	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	56	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	57-59	3	19		71	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI THANH THẢO	AMD	53	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	46	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	AMD	43	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN TRƯỞNG	AMD	44-45	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH THAI	AMD	41-42	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG THỂ TÀI	AMD	51	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU HỮU CHÍNH	AMD	48	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	50	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	5	5	45	350	20	3		
2	BK19	0	0	0	0	0	3		
3	AMD	14	19	133	954	20	16		
TOTAL		19	24	178	1.304	40	22		
WEIGHT KG				178	1.304	40			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2023	TO: P8 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:45
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TÂN	P8	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRUNG HẬU	P8	99	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HOÀNG	P8	17	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VU XUÂN THANH	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CHÂU NAM	P8	500	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUÂN	P8	91	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN SY	P8	18	1	13	12	80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	P8	19-20	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI DUY TÂN	P8	55-56	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HUU TUÂN	P8	53-54	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI ANH TUÂN	P8	60	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRƯƠNG THỊ HUY	P8	58-59	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU SY	P8	57	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
14	HUỶNH PHƯƠNG HÙNG	P8	96-97	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH TU	P8	93-94	2	20	18	63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	72	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	01	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ NGỌC	VSP01	900	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	69-70	2	6		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HUỶNH VĂN THỌ	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THỊ CƯỜNG	VSP01	67-68	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	15	20	170	1.048	30	14		
2	VSP01	6	7	30	404	0	8		
TOTAL		21	27	200	1.452	30	22		
WEIGHT KG				200	1.452	30			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN